

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/DS-PT

Ngày: 05-4-2022

V/v“Tranh chấp hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Võ Thị Hồng Mai

*Các Thẩm phán:***Bà Phan Thị Mai Dung**

Bà Nguyễn Thị An Tiên

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Thu Sinh, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 01 năm 2022, về việc:“Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số:40/2021/DS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện TB,tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 50/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:*Bà Nguyễn Thị S (Út Gái), sinh năm 1970; cư trú tại: Tổ 09, ấp TT, xã TB1, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2.*Bị đơn:* Bà Đỗ Thị Kim H (Dì Năm Hồng), sinh năm 1951; cư trú tại: Tổ 11, ấp TT, xã TB1, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Sơn T – Trợ giúp viên pháp lý công tác tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. *Người kháng cáo:*Bà Đỗ Thị Kim H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/12/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị S trình bày:

Ngày 10/04/2018 (âm lịch), bà H có nhờ bà tham gia dùm 01 phần hui trong dây hui 5.000.000 đồng mở ngày 15/5/2018 (âm lịch), gồm 27 phần do bà Tư Trang làm chủ hui, hàng tháng bà H giao tiền hui cho bà để bà giao cho bà Tr. Bà H đã lĩnh hui kỳ đầu tiên ngày 15/5/2018 (âm lịch), mức lãi bà H đưa ra là 1.800.000 đồng. Bà trực tiếp nhận tiền hui của bà Tr số tiền 80.900.000 đồng và giao lại cho bà H đủ số tiền trên. Lý do bà chơi hui dùm là vì bà H lớn tuổi nên bà Tr không đồng ý cho bà H tham gia.

Việc đóng hui không lập thành văn bản. Khi hốt hui và giao hui lại cho bà H bà có lập giấy nợ hui ghi ngày 15/5/2018. Sau khi lĩnh hui, bà H đóng được 16 kỳ hui chết, còn nợ 10 kỳ x 5.000.000 đồng/kỳ = 50.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả số tiền này và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 02/9/2020 đến khi kết thúc vụ án.

Bị đơn bà Đỗ Thị Kim H trình bày:

Bà có nhờ bà S tham gia dùm hui của bà Tr như bà S trình bày, mục đích nhờ chơi hui dùm là để bà S lấy tiền hui trừ vào tiền vay giữa bà và bà S nhưng bà không nhớ thời gian vay, không xác định số tiền vay là bao nhiêu. Cụ thể phần hui như thế nào bà không biết.

Bà S thông báo cho bà biết hốt hui được số tiền khoảng 82.000.000 đồng. Bà S khấu trừ số tiền lĩnh hui vào khoản nợ vay. Sau đó, bà S thông báo với bà còn phải đóng 05 kỳ hui với số tiền 25.000.000 đồng, khoảng tháng 10/2020, bà đã đóng cho bà S đủ số tiền 25.000.000 đồng nên bà xác định đã thực hiện xong việc đóng hui cho bà S.

Việc đóng hui, lĩnh hui giữa bà với bà S không lập thành văn bản nhưng các bên có viết giấy nội dung bà S tham gia dùm bà 01 phần hui 5.000.000 đồng của bà Tư Tr. Bà xác định chữ viết, chữ ký tên giấy tính tiền hui bà S cung cấp không phải do bà viết, ký tên. Bà không xác định đây có phải giấy tham gia hui mà bà ký với bà S không vì khi bà ký tên, bà không đọc lại nội dung trên giấy. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DSST ngày 07-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S đối với bà Đỗ Thị Kim H về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hui”.

Buộc bà Đỗ Thị Kim H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền hụi 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, tiền lãi 6.294.000 (sáu triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn) đồng, tổng cộng 56.294.000 (năm mươi sáu triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định vênhĩa vụ chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 07-12-2021, bà H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

+ Về số tiền nợ vay giữa bà H và bà S chưa được làm rõ, số tiền hụi hốt được cũng không thống nhất. Chữ viết tên giấy hụi ngày 5/5/2018 không phải bà Hghi, nội dung không thể hiện sự tự nguyện của bà H. Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H đồng thời miễn án phí do bà H là người có công với cách mạng.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 25.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của bà H, thấy rằng: Cả hai bên đều thừa nhận việc bà S chơi hụi dùm bà H 01 phần hụi tháng 5.000.000 đồng do bà Tr làm chủ và đã hốt hụi, mục đích chơi hụi dùm là để bà H lấy tiền hụi trả tiền vay. Bà S cho rằng tiền vay là tiền bà H nhờ bà vay dùm, còn bà H xác định vay tiền của bà S, tuy nhiên, không ai cung cấp được chứng cứ về số tiền vay là bao nhiêu nhưng cả hai bên đều thừa nhận sau khi hốt hụi bà H đã trả lại tiền vay cho bà S, không còn nợ.

[2] Bà S cho rằng bà H còn nợ 10 kỳ hui là 50.000.000 đồng, bà H cho rằng sau khi bà S thông báo bà còn nợ 5 kỳ hui là 25.000.000 đồng bà đã đóng đủ, không còn nợ, tuy nhiên, không bên nào đưa ra được chứng cứ chứng minh.

[3] Tại giấy tính hui do nguyên đơn, bà S cung cấp (bút lục 22) có ghi nội dung: *“Tôi 4 Trang, 4 Ngững có thiếu chị Út Gái 25 triệu hui cuối; nhưng hôm nay tôi trả số của dì 5 Hồng cho chị Út Gái với lý do cần hui với số tiền tương ứng 25 triệu: từ đây hui 5 triệu của Dì 5 chị Út Gái tự lãnh em không dính lứu tới nữa”*. Bà S thừa nhận nội dung này do bà Tr xác nhận với bà, vì bà Tr có chơi hui của bà nên cần trừ khi bà H không đóng hui. Tuy nhiên, không có chứng cứ chứng minh nội dung trên ghi vào thời gian nào, (vợ chồng bà Tr đã bỏ đi khỏi địa phương, hiện không rõ địa chỉ). Tại phiên tòa, bà S cung cấp danh sách hui của dây hui mà bà Tr tham gia hui do bà S làm chủ là dây hui 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 15/5/2018 AL, bà S không lí giải được về số tiền hui bà Tr cần trừ là nợ bao nhiêu kỳ hui nhưng xét thời gian cần trừ hui và số tiền hui được cần trừ trong dây hui này không khớp với số tiền hui được cần trừ là 25.000.000 đồng. Do đó, không có cơ sở xem xét chứng cứ mà bà S cung cấp. Ngoài ra, bà S không cung cấp được sổ theo dõi việc đóng hui của bà H, không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền hui bà H còn nợ là 50.000.000 đồng. Ngược lại, nội dung xác nhận của bà Tr tại bút lục 22 phù hợp với lời trình bày của bà H về số tiền bà H được bà S thông báo còn nợ. Do đó, có cơ sở xác định tại thời điểm cần trừ nợ hui giữa bà Tr và bà S, số tiền hui bà H còn nợ là 25.000.000 đồng.

[4] Bà H không đưa ra được chứng cứ chứng minh đã trả số tiền 25.000.000 đồng cho bà S nên có căn cứ buộc bà H trả cho bà S số tiền 25.000.000 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 471, Điều 357, 368 của Bộ luật Dân sự.

Bà H phải có nghĩa vụ trả tiền lãi từ ngày 02/9/2020 (ngày mãn hui) đến ngày 07/12/2021 (ngày xét xử sơ thẩm) số tiền: 25.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 15 tháng 05 ngày = 3.147.083 đồng, tính tròn số 3.147.000 (ba triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng. Tổng cộng 28.147.000 đồng.

[5] Về tiền lãi chậm thi hành án, cấp sơ thẩm tuyên chưa đúng với hướng dẫn tại điểm a, khoản 1, Điều 13 của Nghị quyết 01/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên cần sửa án về phần này.

[6] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn tại phiên

tòa là có căn cứ chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí, chi phí tố tụng:

[7.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà S phải chịu án phí đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận, cụ thể: $25.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.250.000 \text{ đồng}$. Bà H phải chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thực hiện, tuy nhiên bà H là người cao tuổi, được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[7.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn được tòa án chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí.

[7.3] Chi phí giám định: Bà H phải chịu. Ghi nhận bà S đã nộp tạm ứng nên bà H có nghĩa vụ trả lại cho bà S số tiền 2.040.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, bà Đỗ Thị Kim H;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DSST ngày 07-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ vào các Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S đối với bà Đỗ Thị Kim H về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi”.

Buộc bà Đỗ Thị Kim H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền hụi 28.147.000 đồng (hai mươi tám triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn) trong đó, tiền gốc là 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng và tiền lãi là 3.147.000 đồng (ba triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Chi phí tố tụng: Bà Đỗ Thị Kim H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền 2.040.000 (hai triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Kim H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.250.000 đồng khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004791 ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- TAND huyện TB;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Hồng Mai